

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tiền mặt	810.839.914	1.244.891.137
Tiền gửi ngân hàng	81.684.258.929	88.668.329.950
	<u>82.495.098.843</u>	<u>89.913.221.087</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư vào đơn vị khác

(i) Đầu tư vào công ty con

	2015		2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP công nghệ Việt Thành (sở hữu 51%) (*)	144.683.588.788	-	144.683.588.788	-
Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (sở hữu 51%) (**)	16.320.000.000	-	16.320.000.000	-
	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>

(*) Công ty CP Công nghệ Việt Thành

Công ty CP Công nghệ Việt Thành được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 14 ngày 5/10/2015. Vốn điều lệ của công ty là 42.000.000.000 Đồng Việt Nam trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2015. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty con là tiến hành các hoạt động viễn thông có dây, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, cung cấp dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.

(**) Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive)

VTVlive được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 11/7/2012 và thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần thứ 7 ngày 8/9/2015. Vốn điều lệ của VTVlive là 32.000.000.000 Đồng Việt Nam trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2015. VTVlive hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ truyền thông, truyền hình; đầu tư phát triển các hạ tầng truyền thông đa phương tiện; phát triển công nghiệp nội dung số, cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện; và cung cấp nội dung và phát triển mạng lưới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	2015		2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP VTVcab Nam Định (sở hữu 39%) (*)	8.203.340.000	-	8.208.330.000	-

(*) Công ty CP VTVcab Nam Định – công ty liên kết

Công ty CP VTVcab Nam Định (VTVcab Nam Định) được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 25/6/2005, và giấy chứng nhận sửa đổi gần nhất (lần thứ 5) ngày 26/8/2014. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 Đồng Việt Nam. Trong đó Tổng Công ty chiếm 39% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình.

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2015		2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào các công ty con của Công ty TNHH thương mại TC (*)	76.985.587.000	(58.176.634.688)	76.985.587.000	-

(*) Đầu tư vào các công ty con của công ty TNHH thương mại TC

Đầu tư vào các công ty con của công ty TNHH thương mại TC liên quan tới hai hợp đồng là i) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp; và ii) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh cùng ký vào ngày 31/8/2013 giữa VTVcab và Công ty TNHH thương mại TC ("TC").

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn, VTVcab mua lại 70% vốn đầu tư của TC tại 5 công ty con của TC tại Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Sóc Trăng, và Huế, bao gồm 70% vốn đầu tư mạng truyền hình cáp của TC tại các công ty con này. Các công ty con của TC đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại địa bàn trong đó VTVcab là thành viên có vốn góp 70% vốn điều lệ. Ngày 31/12/2013, VTVcab và TC đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn này trong đó nêu rõ các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng và không bên nào có bất kỳ khiếu nại gì.

Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa VTVcab và TC, hai bên thống nhất giải thể các công ty con và toàn bộ vốn góp tương ứng với vốn đầu tư tài sản mạng Truyền hình cáp sẽ được hai bên chuyển vào chi nhánh VTVcab tại địa bàn để hợp tác kinh doanh. Hai bên thống nhất phân chia kết quả kinh doanh theo lợi nhuận trước thuế tương ứng với tỷ lệ vốn góp 70:30. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản mạng để hợp tác đầu tư chưa được thực hiện do các công ty con chưa được giải thể xong. Vào ngày 1/10/2013 và 31/10/2013, hai bên ký các biên bản thỏa thuận về việc phối hợp hoàn tất các thủ tục để tiến hành giải thể các công ty con và trong thời gian bắt đầu từ thời điểm chuyển nhượng cho đến khi các công ty con giải thể xong thì TC vẫn nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con này và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động cũng như các khoản công nợ của các công ty con này cho đến khi các công ty con được chính thức giải thể xong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tại ngày 31/12/2015, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này bằng chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ban đầu với giá trị tài sản hữu hình ước tính có thể thu hồi được khi các công ty con của TC giải thể xong.

Cho đến ngày ký báo cáo tài chính riêng này, việc giải thể các công ty con của TC vẫn chưa được hoàn tất.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba	175.231.377.304	111.861.080.288
<i>Trong đó các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty CP Chuỗi thực phẩm TH	23.717.850.000	-
- Công ty CP Truyền thông Bóng đá Việt Nam	17.200.000.000	21.732.695.749
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	23.952.329.747	27.840.838.451
	<u>199.183.707.051</u>	<u>139.701.918.739</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.323.601.068)	(39.913.331.834)
<i>Trong đó các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam	(18.687.272.727)	(18.687.272.727)
- Công ty CP Truyền thông Đại Dương	-	(11.043.750.000)
- Công ty CP Truyền thông bóng đá Việt Nam	-	(6.440.447.874)
	<u>(20.323.601.068)</u>	<u>(39.913.331.834)</u>

Biến động về dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	39.913.331.834	25.395.477.106
Tăng dự phòng	114.025.000	14.517.854.728
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi (*)	(19.703.755.766)	-
Số dư cuối năm	<u>20.323.601.068</u>	<u>39.913.331.834</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

(*) Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi chủ yếu liên quan tới:

- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi với Công ty CP truyền thông Đại Dương (Ocean Media) số tiền 11.043.750.000 Đồng Việt Nam. Theo biên bản thỏa thuận ba bên ngày 25 tháng 4 năm 2015, Công ty CP Truyền hình cáp STV (STV) đã thay Ocean Media là chủ thể hợp đồng số 81/VCTV-OM/PTV 2006 về quảng cáo trọn gói trên kênh VCTV9 ký với VTVcab, theo đó kế thừa và tiếp tục thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ nêu trong hợp đồng này trong đó có nghĩa vụ thanh toán cho VTVcab toàn bộ công nợ của Ocean Media với VTVcab còn tồn đọng. STV đã thanh toán hết công nợ của Ocean Media cho VTVcab trong năm 2015.
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi với Công ty CP Truyền thông bóng đá Việt Nam, số tiền 6.440.447.874 Đồng Việt Nam đã được công ty này thanh toán trong năm 2015.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba	<u>38.120.842.190</u>	<u>10.467.036.410</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba		
Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh (*)	33.679.082.281	17.864.377.184
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.169.611.600	3.558.016.500
Tạm ứng	2.325.715.670	3.107.713.320
Phải thu khác	11.742.599.987	6.699.169.245
	<u>48.917.009.538</u>	<u>31.229.276.249</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	9.649.788.753	-
	<u>58.566.798.291</u>	<u>31.229.276.249</u>

(*) Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải thu liên quan tới lợi nhuận được chia từ các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các bên đối tác hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(b) Phải thu dài hạn khác

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Góp vốn các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	28.597.921.280	28.597.921.280
Ký quỹ, ký cược	756.909.600	762.207.876
	<u>29.354.830.880</u>	<u>29.360.129.156</u>

(*) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty chuyển cho các đối tác để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được chuyển giao cho đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.8(e)).

Chi tiết các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với các đơn vị khác như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An (Nghệ An)	9.286.774.536	9.286.774.536
Công ty Đa truyền thông Quốc tế (Hà Tĩnh)	5.105.450.000	5.105.450.000
Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông Hải Phòng (EG – Hải Phòng)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Điện tử Thái Bình (Thái Bình)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV THC Hải Dương (Hải Dương)	3.976.158.921	3.976.158.921
Công ty CP Minh Trí (Quảng Ninh)	2.950.866.511	2.950.866.511
Công ty TNHH Thương mại viễn thông Nhật Tân (Bà Rịa Vũng Tàu)	278.671.312	278.671.312
	<u>28.597.921.280</u>	<u>28.597.921.280</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

8 HÀNG TỒN KHO

	2015		2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	86.383.300	-	16.781.641.200	-
Nguyên vật liệu tồn kho	154.694.194.155	(156.206.795)	128.237.686.630	(156.206.795)
Công cụ, dụng cụ trong kho	8.084.805.239	-	8.859.635.108	-
Hàng hóa	146.552.207.704	(264.269.010)	83.047.130.850	-
Hàng gửi bán	10.856.021.009	-	5.172.217.443	-
	<u>320.273.611.407</u>	<u>(420.475.805)</u>	<u>242.098.311.231</u>	<u>(156.206.795)</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	25.929.447.838	24.839.899.796
Chi phí công cụ dụng cụ	2.164.502.805	2.611.113.720
Chi phí thuê văn phòng	2.813.009.435	4.214.045.176
Chi phí khác	5.527.705.352	1.799.128.153
	<u>36.434.665.430</u>	<u>33.464.186.845</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi thế thương mại (*)	200.726.455.321	220.630.626.269
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	50.808.451.182	40.033.147.724
Chi phí công cụ dụng cụ	59.574.787.038	56.623.241.640
Chi phí khác	15.233.079.367	10.905.629.332
	<u>326.342.772.908</u>	<u>328.192.644.965</u>

(*) Lợi thế thương mại: phát sinh từ việc VTCab mua lại các mạng truyền hình cáp bao gồm các tài sản cố định và số thuê bao truyền hình cáp của các mạng truyền hình cáp đó. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa số tiền mà VTCab đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản được đánh giá lại. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	32.585.547.105	907.857.237.748	11.261.448.751	8.259.648.644	959.963.882.248
Mua trong năm	-	157.080.743.465	210.067.455	13.525.662.677	170.816.473.597
Tài sản tăng thêm theo hợp đồng HTKD	-	7.421.526.180	-	-	7.421.526.180
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	99.444.810	217.360.746.852	-	466.453.723	217.926.645.385
Điều chuyển tài sản sang VTV	(6.085.927.849)	(1.790.670.326)	-	-	(7.876.598.175)
Tăng/giảm khác	(229.750.000)	(601.012.668)	-	-	(830.762.668)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	26.369.314.066	1.287.328.571.251	11.471.516.206	22.251.765.044	1.347.421.166.567
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(3.758.317.853)	(560.883.090.464)	(6.435.691.535)	(4.026.175.993)	(575.103.275.845)
Khấu hao trong năm	(1.072.241.273)	(246.916.829.078)	(1.369.940.421)	(1.895.373.891)	(251.254.384.663)
Điều chuyển tài sản sang VTV	2.491.514.102	510.004.136	-	-	3.001.518.238
Tăng/giảm khác	-	455.879.841	-	-	455.879.841
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	(2.339.045.024)	(806.834.035.565)	(7.805.631.956)	(5.921.549.884)	(822.900.262.429)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	28.827.229.252	346.974.147.284	4.825.757.216	4.233.472.651	384.860.606.403
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	24.030.269.042	480.494.535.686	3.665.884.250	16.330.215.160	524.520.904.138

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết là 457.271.944.590 Đồng Việt Nam (2014: 255.052.378.798 Đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.252.780.000	20.410.620.479	23.663.400.479
Mua mới trong năm	-	19.662.909.480	19.662.909.480
	<u>3.252.780.000</u>	<u>40.073.529.959</u>	<u>43.326.309.959</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.252.780.000	40.073.529.959	43.326.309.959
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	(8.562.843.281)	(8.562.843.281)
Khấu hao trong năm	-	(8.329.426.963)	(8.329.426.963)
	<u>-</u>	<u>(16.892.270.244)</u>	<u>(16.892.270.244)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(16.892.270.244)	(16.892.270.244)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.252.780.000	11.847.777.198	15.100.557.198
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>3.252.780.000</u>	<u>23.181.259.715</u>	<u>26.434.039.715</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết là 4.316.262.634 Đồng Việt Nam (2014: 2.851.251.939 Đồng Việt Nam).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt các mạng truyền hình cáp mà VTVcab đang tiến hành xây dựng.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	146.600.321.410	102.290.775.639
Tăng từ mua sắm và xây dựng cơ bản	227.670.244.715	232.877.563.214
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(217.926.645.385)	(186.998.017.443)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(1.570.000.000)
	<u>156.343.920.740</u>	<u>146.600.321.410</u>
Số dư cuối năm	<u>156.343.920.740</u>	<u>146.600.321.410</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
12 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số dư của thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm cuối năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	12.004.987.021	3.665.843.158

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	3.665.843.158	2.367.570.349
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	8.339.143.863	1.298.272.809
Số dư cuối năm	12.004.987.021	3.665.843.158

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh chủ yếu từ các khoản dự phòng của Tổng Công ty bao gồm dự phòng trợ cấp thôi việc và dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Bên thứ ba	455.671.622.046	358.981.856.564
<u>Trong đó các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:</u>		
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	51.784.169.711	28.501.703.381
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	67.053.985.116	59.849.540.374
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	27.314.657.749	26.022.468.353
	482.986.279.795	385.004.324.917
(b) Dài hạn		
Bên thứ ba	217.643.025.735	54.902.441.740
<u>Trong đó các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:</u>		
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	37.621.408.308	13.659.913.740
- Cty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	36.713.600.000	18.978.528.000
- Công ty TNHH Đầu tư TM và dịch vụ Long Hưng	30.925.258.147	-
- Công ty CP Công nghệ và Truyền hình - Tekcast	27.858.614.450	-
- Kaon Media., Ltd.	15.920.269.090	22.264.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Tiền nhận trước của khách hàng (*)	218.363.038.064	183.620.294.244
Khác	3.101.680.243	1.760.387.186
	<u>221.464.718.307</u>	<u>185.380.681.430</u>
(b) Dài hạn		
Tiền nhận trước của khách hàng (*)	<u>13.919.381.438</u>	<u>4.741.686.346</u>

(*) Tiền nhận trước của khách hàng chủ yếu phản ánh số tiền trả trước của các thuê bao truyền hình cáp và truyền hình kỹ thuật số. Số tiền trả trước của khách hàng sẽ được phân bổ vào doanh thu trong năm dựa trên số kỳ đã cung cấp dịch vụ.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	9.115.860.167	11.401.077.245
Thuế GTGT	2.544.950.283	1.479.617.891
	<u>11.660.810.450</u>	<u>12.880.695.136</u>

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba		
Chi phí bản quyền	8.489.088.069	30.449.731.737
Chi phí quảng cáo	8.711.618.423	13.865.835.665
Chi phí sản xuất chương trình	5.724.200.003	2.367.121.212
Lãi vay	1.177.560.532	676.403.145
Chi phí phải trả khác	13.875.220.581	8.911.356.003
	<u>37.977.687.608</u>	<u>56.270.447.762</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))		
Chi phí bản quyền	1.143.736.363	26.990.809.343
Chi phí phải trả khác	255.434.547	838.634.600
	<u>1.399.170.910</u>	<u>27.829.443.943</u>
	<u>39.376.858.518</u>	<u>84.099.891.705</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

17 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba:		
Phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh (*)	23.782.119.639	33.040.482.271
Khác	33.861.809.567	9.111.976.939
	<u>57.643.929.206</u>	<u>42.152.459.210</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	461.839.345	77.608.522.986
	<u>58.105.768.551</u>	<u>119.760.982.196</u>

(*) Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải trả liên quan tới lợi nhuận VTVcab phân chia cho các bên hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác là các khoản góp vốn của các đối tác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC, nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được chuyển giao cho Tổng Công ty để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.8(e)).

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa	5.486.977.045	4.655.000.000
Công ty CP Phát triển công nghệ Sao Nam	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ	3.845.298.115	3.320.327.199
Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ	7.081.297.099	2.214.003.399
Công ty TNHH THC Phú Quốc PCTV	-	1.786.985.282
Công ty CP TM và DV kỹ thuật phát thanh truyền hình STC	-	1.035.036.300
	<u>17.613.572.259</u>	<u>14.211.352.180</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

18 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Phân loại lại gốc vay ngắn hạn VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (*)	150.246.438.701	115.735.472.786	(234.719.782.826)	151.563.115.958	182.825.244.619
Vay cá nhân	437.690.000	-	(437.690.000)	-	-
	<u>150.684.128.701</u>	<u>115.735.472.786</u>	<u>(235.157.472.826)</u>	<u>151.563.115.958</u>	<u>182.825.244.619</u>
(b) Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (**)	<u>128.449.448.469</u>	<u>211.494.103.756</u>	<u>(8.795.050.400)</u>	<u>(151.563.115.958)</u>	<u>179.585.385.867</u>

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay không quá 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu truyền hình cáp tại Hà Nội. Các khoản vay có mức lãi suất từ 5,6% đến 6,5% mỗi năm.

(**) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 36 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chủ yếu được đảm bảo bởi các tài sản hình thành từ vốn vay, doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay và cổ phần của Tổng Công ty tại công ty con. Các khoản vay có mức lãi suất/năm từ 8% đến 11% được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm (12 hoặc 24 tháng) cộng thêm 1,65% đến 3,5% tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.118.522.796	54.500.297.970

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	54.500.297.970	39.376.703.566
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 21)	63.072.607.765	47.823.651.148
Sử dụng quỹ trong năm	(55.454.382.939)	(32.700.056.744)
Tại ngày 31 tháng 12	62.118.522.796	54.500.297.970

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn điều lệ</u>		<u>Vốn đã góp</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>
Đài Truyền hình Việt Nam (VTV)	440.000.000.000	100	440.000.000.000

Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 26 tháng 6 năm 2012 và các thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau đó, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 440.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được góp đủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	440.000.000.000	8.839.246.420	-	448.839.246.420
Lợi nhuận trong năm	-	-	61.016.907.813	61.016.907.813
Chia lợi nhuận cho đơn vị hợp tác kinh doanh	-	-	(13.193.256.665)	(13.193.256.665)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(47.823.651.148)	(47.823.651.148)
Điều chỉnh quỹ khác	-	75.550.000	-	75.550.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	440.000.000.000	8.914.796.420	-	448.914.796.420
Lợi nhuận trong năm	-	-	62.798.288.363	62.798.288.363
Chia lỗ cho đơn vị hợp tác kinh doanh liên quan đến hợp đồng BCC cho năm 2014	-	-	274.319.402	274.319.402
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(63.072.607.765)	(63.072.607.765)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>440.000.000.000</u>	<u>8.914.796.420</u>	<u>-</u>	<u>448.914.796.420</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

22 DOANH THU

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	49.107.003.418	197.698.484.639
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.693.814.332.335	1.409.357.277.344
Doanh thu được chia từ các hợp đồng BCC	94.704.875.004	148.925.339.832
	<u>1.837.626.210.757</u>	<u>1.755.981.101.815</u>
Các khoản giảm trừ	<u>(1.320.295.118)</u>	<u>(6.194.652.086)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần	<u><u>1.836.305.915.639</u></u>	<u><u>1.749.786.449.729</u></u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí hàng hóa đã bán	120.844.322.881	134.395.648.768
Chi phí dịch vụ đã cung cấp	1.119.651.923.023	938.197.666.815
Chi phí liên quan đến các hợp đồng BCC	79.204.762.375	109.009.538.957
	<u>1.319.701.008.279</u>	<u>1.181.602.854.540</u>

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Cổ tức nhận được từ các bên liên quan (Thuyết minh 31(a))	18.338.727.500	7.005.732.235
Lãi tiền gửi	2.218.851.083	1.475.881.168
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	55.185.370	28.035.822
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	12.597.515
Khác	190.937.970	1.482.206.991
	<u>20.803.701.923</u>	<u>10.004.453.731</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí lãi vay	21.366.529.701	22.351.927.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.764.826.361	1.071.897.770
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	2.842.471.786	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 4(b)(iii))	58.176.634.688	-
	<u>86.150.462.536</u>	<u>23.423.825.404</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	120.815.717.196	229.783.787.709
Chi phí nhân viên	32.773.651.413	27.358.908.357
Khác	14.582.207.620	7.549.760.427
	<u>168.171.576.229</u>	<u>264.692.456.493</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	86.555.937.306	73.918.220.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.072.237.000	27.900.398.084
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng BCC	24.062.691.605	18.368.560.352
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	26.025.866.251	26.649.260.885
Đồ dùng thiết bị văn phòng	12.755.937.608	21.481.516.509
Công tác phí	11.139.253.083	10.264.385.773
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	114.025.000	14.517.854.728
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.703.755.766)	-
Khác	18.403.806.238	21.736.553.522
	<u>209.425.998.325</u>	<u>214.836.750.305</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

28 THU NHẬP KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thu nhập khác		
Hàng khuyến mại, biếu tặng nhận được	2.506.255.286	5.687.659.544
Lãi do thanh lý tài sản	-	2.649.872.564
Khác	1.879.429.336	5.608.656.209
	<u>4.385.684.622</u>	<u>13.946.188.317</u>
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản	-	(1.351.106.822)
Khác	(776.313.489)	(3.163.294.185)
	<u>(776.313.489)</u>	<u>(4.514.401.007)</u>
Lợi nhuận khác	<u>3.609.371.133</u>	<u>9.431.787.310</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty trong năm được trình bày như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.269.943.326	84.666.804.028
Thuế tính ở thuế suất 22%	16.999.387.532	18.626.696.886
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(4.227.050.811)	(4.410.060.397)
Chi phí không được khấu trừ	272.269.061	9.433.259.726
Ảnh hưởng từ chênh lệch thuế suất	1.427.049.181	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>14.471.654.963</u>	<u>23.649.896.215</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh:

Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	22.606.956.713	24.948.169.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp - phân chia từ đối tác liên quan tới các hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC	203.842.113	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 12)	(8.339.143.863)	(1.298.272.809)
	<u>14.471.654.963</u>	<u>23.649.896.215</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	200.691.319.573	205.775.545.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	259.583.811.626	219.107.222.808
Chi phí nhân viên	291.637.087.535	248.336.046.340
Chi phí bản quyền	392.461.948.220	334.546.707.181
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	137.636.126.758	229.783.787.709
Chi phí phân chia từ các đối tác liên quan đến hợp đồng BCC	125.496.520.919	109.009.538.957
Chi phí thuê (văn phòng, kho...)	174.747.914.108	140.971.516.896
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng BCC	24.062.691.605	18.368.560.352
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.703.755.766)	-
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	114.025.000	14.517.854.728
Chi phí khác	110.570.893.255	140.715.280.688
	1.697.298.582.833	1.661.132.061.338

31 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”), đơn vị sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	2.530.306.184	3.306.432.931
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	4.418.082.162	1.441.437.782
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	8.579.807.272	5.536.592.727
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	41.488.080.937	32.934.370.487
Công ty CP VTVCab Nam Định, công ty liên kết	16.507.410.796	6.154.419.227
	113.463.604.151	200.375.133.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

31 CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Đài Truyền hình Việt Nam, công ty mẹ	-	1.000.000.000
Ban Biên tập Truyền hình cáp, thành viên VTV	74.513.863.517	72.902.462.890
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	19.013.625.892	-
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	9.004.263.136	2.394.488.300
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	41.694.263.637	22.352.427.287
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	54.600.365.032	67.393.735.378
Công ty CP VTVCab Nam Định, công ty liên kết	4.823.687.407	23.341.540.800
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Cổ tức được chia (Thuyết minh 24)</i>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	17.870.316.786	7.005.732.235
Công ty CP VTVCab Nam Định, công ty liên kết	468.410.714	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	18.338.727.500	7.005.732.235
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.988.000.000	2.988.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Các giao dịch khác</i>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	9.625.870.212	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	255.434.547	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	18.687.272.727	22.453.612.227
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	2.747.555.506	3.846.150.000
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành, công ty con	257.586.000	1.341.076.224
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	1.533.105.014	200.000.000
Công ty CP VTVCab Nam Định, công ty liên kết	726.810.500	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	23.952.329.747	27.840.838.451

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

31 CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)		
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành, công ty con	9.381.378.038	-
Công ty CP VTVCab Nam Định, công ty liên kết	268.410.715	-
	<u>9.649.788.753</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Ban Biên tập Truyền hình cáp, thành viên VTV	13.894.946.775	25.114.719.153
Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	2.072.958.603	188.109.200
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	9.689.775.500	719.640.000
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	772.194.623	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	884.782.248	-
	<u>27.314.657.749</u>	<u>26.022.468.353</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive), công ty con	-	838.634.600
Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV), công ty con thuộc VTV	1.143.736.363	9.537.245.455
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV), công ty liên doanh của VTV	255.434.547	17.453.563.888
	<u>1.399.170.910</u>	<u>27.829.443.943</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Đài Truyền hình Việt Nam, công ty mẹ	-	77.608.522.986
Công ty CP Công nghệ Việt Thành, công ty con	461.839.345	-
	<u>461.839.345</u>	<u>77.608.522.986</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang Tổng công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng		Phí bản quyền	
	2015 VNĐ	2014 VNĐ	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Dưới 1 năm	4.393.435.464	2.859.297.408	32.044.933.170	102.152.737.850
Từ 1 đến 5 năm	1.464.478.488	5.706.876.384	56.793.356.000	24.560.300.000
Tổng	5.857.913.952	8.566.173.792	88.838.289.170	126.713.037.850

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh (đã kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 20/7/2015) được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính riêng của năm nay.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Lãnh đạo duyệt ngày 15 tháng 4 năm 2016.



Nguyễn Hoàng Giang
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc